

Điểm chuẩn trường Học Viện Biên Phòng năm 2018

Học viện Biên phòng (trước đây là Trường Sĩ quan Công an nhân dân vũ trang) được thành lập ngày 20/5/1963 là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học của lực lượng BDBP và là đơn vị thường trực sẵn sàng chiến đấu của Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng.

Địa chỉ: Sơn Lộc - Sơn Tây - Hà Nội

Điện thoại: 069 596004

Điểm chuẩn Học Viện Biên Phòng chi tiết các ngành năm 2018:

BẤM XEM tại đây => <https://doctailieu.com/diem-chuan-truong-hoc-vien-bien-phong>

Tham khảo điểm chuẩn của các năm trước:

Chi tiết điểm chuẩn trường Học Viện Biên Phòng năm 2017:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn	Điểm chuẩn	Ghi chú
1	7860214	Biên phòng Thí sinh Nam miền Bắc	C00	28.5	Thí sinh mức 28,50 điểm: Điểm môn Văn $\geq 7,50$.
2	7860214	Biên phòng Thí sinh Nam Quân khu 4 (Quảng Trị và TT-Huế)	C00	27.25	
3	7860214	Biên phòng Thí sinh Nam Quân khu 5	C00	26.75	Thí sinh mức 26,75 điểm: Điểm môn Văn $\geq 7,00$.
4	7860214	Biên phòng Thí sinh Nam Quân khu 7	C00	25.75	Thí sinh mức 25,75 điểm: Điểm môn Văn $\geq 7,00$.
5	7860214	Biên phòng Thí sinh Nam Quân khu 9	C00	26.5	Thí sinh mức 26,50 điểm: Điểm môn Văn $\geq 5,50$.
6	7860214	Biên phòng Thí sinh Nam miền Bắc	A01	24.5	
7	7860214	Thí sinh Nam Quân khu 5	A01	23	
8	7860214	Biên phòng Thí sinh Nam Quân khu 7	A01	23.25	
9	7860214	Biên phòng Thí sinh Nam Quân khu 9	A01	19	
10	7380101	Luật Thí sinh Nam miền Bắc	C00	28.25	Thí sinh mức 28,25 điểm: Điểm môn Văn $\geq 8,00$.
11	7380101	Luật Thí sinh Nam Quân khu 4 (Quảng Trị và TT-Huế)	C00	27	Thí sinh mức 27,00 điểm: Điểm môn Văn $\geq 7,00$.
12	7380101	Luật Thí sinh Nam Quân khu 5	C00	26.5	Thí sinh mức 26,50 điểm: Điểm môn Văn $\geq 7,50$.
13	7380101	Luật Thí sinh Nam Quân khu 7	C00	25.5	Thí sinh mức 25,50 điểm: Điểm môn Văn $\geq 7,25$.
14	7380101	Luật Thí sinh Nam Quân	C00	25.75	Thí sinh mức 25,75 điểm: Tiêu chí

Điểm chuẩn trường Học Viện Biên Phòng năm 2018

		khu 9			phụ 1: Điểm môn Văn $\geq 7,00$. Tiêu chí phụ 2: Điểm môn Sử $\geq 9,00$.
15	7380101	Luật Thí sinh Nam miền Bắc	A01	24.25	Thí sinh mức 24,25 điểm: Điểm môn Toán $\geq 7,80$.
16	7380101	Luật Thí sinh Nam Quân khu 5	A01	22.75	
17	7380101	Luật Thí sinh Nam Quân khu 7	A01	22.5	Thí sinh mức 22,50 điểm: Điểm môn Toán $\geq 8,60$.
18	7380101	Luật Thí sinh Nam Quân khu 9	A01	18.5	

Xem thêm điểm chuẩn năm 2016 trường ANH - Học Viện Biên Phòng:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn	Điểm chuẩn	Ghi chú
1	7860206	Biên phòng (Quân khu 9)	A01	20.5	
2	7860206	Biên phòng (Quân khu 9)	C00	22.75	
3	7860206	Biên phòng (Quân khu 7)	A01	17.75	
4	7860206	Biên phòng (Quân khu 7)	C00	21	
5	7860206	Biên phòng (Quân khu 5)	A01	17.75	
6	7860206	Biên phòng (Quân khu 5)	C00	23.25	
7	7860206	Biên phòng (Quân khu 4)	C00	23	
8	7860206	Biên phòng	A01	18	
9	7860206	Biên phòng	C00	24.5	
10	7140208	Giáo dục Quốc phòng - An ninh (Đào tạo giáo viên quốc phòng và an ninh)	C00	---	

Chỉ tiêu tuyển sinh Học Viện Biên Phòng các ngành năm học 2018 - 2019 như sau:

Các ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu
Ngành Biên phòng	7860214	Văn, Sử, Địa Toán, Lý, tiếng Anh	204
- Thí sinh có hộ khẩu thường trú phía Bắc	7860214	Văn, Sử, Địa Toán, Lý, tiếng Anh	92
+ Thí sinh xét tuyển theo tổ hợp C00	7860214	Văn, Sử, Địa Toán, Lý, tiếng Anh	76
+ Thí sinh xét tuyển theo tổ hợp A01	7860214	Văn, Sử, Địa Toán, Lý, tiếng Anh	16

Điểm chuẩn trường Học Viện Biên Phòng năm 2018

- Thí sinh có hộ khẩu thường trú ở QK4 (Quảng Trị và Thừa Thiên-Huế)	7860214	Văn, Sử, Địa Toán, Lý, tiếng Anh	8
+ Thí sinh xét tuyển theo tổ hợp C00	7860214	Văn, Sử, Địa Toán, Lý, tiếng Anh	7
+ Thí sinh xét tuyển theo tổ hợp A01	7860214	Văn, Sử, Địa Toán, Lý, tiếng Anh	1
- Thí sinh có hộ khẩu thường trú ở QK5	7860214	Văn, Sử, Địa Toán, Lý, tiếng Anh	28
+ Thí sinh xét tuyển theo tổ hợp C00	7860214	Văn, Sử, Địa Toán, Lý, tiếng Anh	23
+ Thí sinh xét tuyển theo tổ hợp A01	7860214	Văn, Sử, Địa Toán, Lý, tiếng Anh	05
- Thí sinh có hộ khẩu thường trú ở QK7	7860214	Văn, Sử, Địa Toán, Lý, tiếng Anh	35
+ Thí sinh tổ hợp C00	7860214	Văn, Sử, Địa Toán, Lý, tiếng Anh	29
+ Thí sinh xét tuyển theo tổ hợp A01	7860214	Văn, Sử, Địa Toán, Lý, tiếng Anh	06
- Thí sinh có hộ khẩu thường trú ở QK9	7860214	Văn, Sử, Địa Toán, Lý, tiếng Anh	41
+ Thí sinh xét tuyển theo tổ hợp C00	7860214	Văn, Sử, Địa Toán, Lý, tiếng Anh	34
+ Thí sinh xét tuyển theo tổ hợp A01	7860214	Văn, Sử, Địa Toán, Lý, tiếng Anh	07

Điểm chuẩn trường Học Viện Biên Phòng năm 2018

Ngành Luật	7380101	Văn, Sử, Địa Toán, Lý, tiếng Anh	41
- <i>Thí sinh có hộ khẩu thường trú phía Bắc</i>	7380101	Văn, Sử, Địa Toán, Lý, tiếng Anh	18
+ Thí sinh xét tuyển theo tổ hợp C00	7380101	Văn, Sử, Địa Toán, Lý, tiếng Anh	15
+ Thí sinh xét tuyển theo tổ hợp A01	7380101	Văn, Sử, Địa Toán, Lý, tiếng Anh	03
- <i>Thí sinh có hộ khẩu thường trú ở QK4 (Quảng Trị và Thừa Thiên-Huế)</i>	7380101	Văn, Sử, Địa Toán, Lý, tiếng Anh	02
+ Thí sinh xét tuyển theo tổ hợp C00	7380101	Văn, Sử, Địa Toán, Lý, tiếng Anh	01
+ Thí sinh xét tuyển theo tổ hợp A01	7380101	Văn, Sử, Địa Toán, Lý, tiếng Anh	01
- <i>Thí sinh có hộ khẩu thường trú ở QK5</i>	7380101	Văn, Sử, Địa Toán, Lý, tiếng Anh	06
+ Thí sinh xét tuyển theo tổ hợp C00	7380101	Văn, Sử, Địa Toán, Lý, tiếng Anh	05
+ Thí sinh xét tuyển theo tổ hợp A01	7380101	Văn, Sử, Địa Toán, Lý, tiếng Anh	01
- <i>Thí sinh có hộ khẩu thường trú ở QK7</i>	7380101	Văn, Sử, Địa Toán, Lý, tiếng Anh	07
+ Thí sinh tổ hợp C00	7380101	Văn, Sử, Địa Toán, Lý, tiếng Anh	06

Điểm chuẩn trường Học Viện Biên Phòng năm 2018

+ Thí sinh xét tuyển theo tổ hợp A01	7380101	Văn, Sử, Địa Toán, Lý, tiếng Anh	01
- <i>Thí sinh có hộ khẩu thường trú ở QK9</i>	7380101	Văn, Sử, Địa Toán, Lý, tiếng Anh	08
+ Thí sinh xét tuyển theo tổ hợp C00	7380101	Văn, Sử, Địa Toán, Lý, tiếng Anh	07
+ Thí sinh xét tuyển theo tổ hợp A01	7380101	Văn, Sử, Địa Toán, Lý, tiếng Anh	01
Tổng 245			